

CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG SẢN THỰC PHẨM YÊN BÀI
YENBAI JOINT-STOCK FORES-AGRICULTURAL AND FOODSTUFFS COMPANY
Address: 279 Nguyen Phuc – Nguyen Phuc Ward – Yen Bai City – Yen Bai Province
Email: Yfatuf@gmail.com
Website: www.yfatuf.com.vn



BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP
QUÝ I NĂM 2019



CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG SẢN THỰC PHẨM YÊN BÁI

Địa chỉ: Phường Nguyễn Phúc, Thành phố Yên Bái, Tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

của năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2019

Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN***Tại ngày 31 tháng 03 năm 2019*

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		155.424.705.791	95.903.149.740
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	3.455.451.349	12.459.337.966
1. Tiền	111		3.455.451.349	12.459.337.966
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (*)	122		-	(...)
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2	-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		10.230.039.711	12.799.106.574
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	8.388.586.396	10.550.751.162
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	750.000.000	1.350.366.300
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5	1.091.453.315	897.989.112
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137	V.6	-	-
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140	V.7	140.668.820.348	68.763.097.340
1. Hàng tồn kho	141		141.027.208.819	69.121.485.811
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		(358.388.471)	(358.388.471)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150	V.8	1.070.394.383	1.881.607.860
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		640.394.383	806.430.741
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		-	1.075.177.119
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		430.000.000	-
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		25.809.998.487	24.052.607.492
I. Các khoản phải thu dài hạn	210	V.9	-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG SẢN THỰC PHẨM YÊN BÁI

Địa chỉ: Phường Nguyễn Phúc, Thành phố Yên Bái, Tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

của năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2019

Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2019

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	
6. Phải thu dài hạn khác	216		-	
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		-	
II. Tài sản cố định	220		24.086.887.818	24.052.607.492
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.10	23.973.577.334	23.925.047.008
- Nguyên giá	222		166.022.127.748	169.978.305.690
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(142.048.550.414)	(146.053.258.682)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	
- Nguyên giá	225		-	
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226		-	(...)
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.11	113.310.484	127.560.484
- Nguyên giá	228		171.000.000	171.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(57.689.516)	(43.439.516)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
- Nguyên giá	231		-	
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	232		-	
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240	V.12	1.428.124.069	-
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241			
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		1.428.124.069	
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252			
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253			
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)	254		-	
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	(...)
VI. Tài sản dài hạn khác	260	V.13	294.986.600	-
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		294.986.600	
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	

CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG SẢN THỰC PHẨM YÊN BÁI

Địa chỉ: Phường Nguyễn Phúc, Thành phố Yên Bái, Tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

của năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2019

Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2019

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		181.234.704.278	119.955.757.232
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		100.630.151.376	43.016.986.009
I. Nợ ngắn hạn	310		100.603.301.376	42.990.136.009
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.14	17.549.057.477	10.997.939.289
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.15	1.043.268.135	1.156.477.725
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.16	1.121.361.532	487.756.480
4. Phải trả người lao động	314		15.020.998.064	15.306.790.448
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.17	3.919.187.170	1.744.195.882
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316			
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.18	3.280.890.358	935.479.400
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.19	57.215.001.392	11.947.116.579
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	V.20	1.447.157.042	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.21	6.380.206	414.380.206
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		26.850.000	26.850.000
1. Phải trả người bán dài hạn	331	V.22	1.850.000	1.850.000
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	
7. Phải trả dài hạn khác	337	V.23	25.000.000	25.000.000
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		-	
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	

CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG SẢN THỰC PHẨM YÊN BÁI

Địa chỉ: Phường Nguyễn Phúc, Thành phố Yên Bái, Tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

của năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2019

Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2019

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		80.604.552.902	76.938.771.223
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.24	80.604.552.902	76.938.771.223
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		47.600.880.000	47.600.880.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		47.600.880.000	47.600.880.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		323.060.671	323.060.671
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ (*)	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		1.655.874.059	1.655.874.059
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		31.024.738.172	27.358.956.493
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		27.358.956.493	2.239.529.450
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		3.665.781.679	25.119.427.043
12. Nguồn vốn đầu tư XDCB	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		181.234.704.278	119.955.757.232

Người lập biểu

Nguyễn Thị Thùy Dương

Lập, ngày 20 tháng 01 năm 2019

Kế toán trưởng

Hứa Minh Hồng

Giám đốc

Nguyễn Quốc Trình



CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG SẢN THỰC PHẨM YÊN BÁI

Địa chỉ: Phường Nguyễn Phúc, Thành phố Yên Bái, Tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

của năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2019

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Quý I năm 2019

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	QUÝ I		LŨY KẾ TỪ ĐẦU NĂM	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5	6	7
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VL.1	109.320.988.482	102.052.499.335	109.320.988.482	102.052.499.335
<i>Trong đó: Doanh thu xuất khẩu</i>			<i>21.164.500.500</i>	<i>20.316.061.992</i>	<i>21.164.500.500</i>	<i>20.316.061.992</i>
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2	0		0	
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10= 01-02)	10		109.320.988.482	102.052.499.335	109.320.988.482	102.052.499.335
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.3	96.067.962.336	83.114.007.126	96.067.962.336	83.114.007.126
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10 - 11)	20		13.253.026.146	18.938.492.209	13.253.026.146	18.938.492.209
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.4	47.854.340	65.575.790	47.854.340	65.575.790
7. Chi phí tài chính	22	VI.5	442.412.145	705.974.539	442.412.145	705.974.539
<i>- Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>439.985.920</i>	<i>705.185.488</i>	<i>439.985.920</i>	<i>705.185.488</i>
8. Chi phí bán hàng	25	VI.8.b	2.315.006.458	1.895.395.266	2.315.006.458	1.895.395.266
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.8.a	5.702.017.271	4.392.184.807	5.702.017.271	4.392.184.807
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		4.841.444.612	12.010.513.387	4.841.444.612	12.010.513.387
11. Thu nhập khác	31	VI.6	0	0	0	0
12. Chi phí khác	32	VI.7	171.689.039	22.044.826	171.689.039	22.044.826
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		-171.689.039	-22.044.826	-171.689.039	-22.044.826
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		4.669.755.573	11.988.468.561	4.669.755.573	11.988.468.561
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.9	1.003.973.894	1.653.785.016	1.003.973.894	1.653.785.016
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50 - 51 - 52)	60		3.665.781.679	10.334.683.545	3.665.781.679	10.334.683.545
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	70		770	2.171	770	2.171
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu (*)	71		0	0	0	0

Người lập biểu

Nguyễn Thị Thùy Dương
Nguyễn Thị Thùy Dương

Kế toán trưởng

Hứa Minh Hồng
Hứa Minh Hồng

Lập, ngày 20 tháng 09 năm 2019



Nguyễn Quốc Trinh

CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG SẢN THỰC PHẨM YÊN BÁI

Địa chỉ: Phường Nguyễn Phúc, Thành phố Yên Bái, Tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

của năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2019

Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp) (*)
Năm 2019

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		4.669.755.573	11.988.468.561
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		2.435.911.584	2.437.647.139
- Các khoản dự phòng	03			
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		(429.550)	1.346.558
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		-394.557.805	34.211.137
- Chi phí lãi vay	06		439.985.920	705.185.488
- Các khoản điều chỉnh khác	07			
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		7.150.665.722	15.166.858.883
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		4.745.521.221	(2.639.621.619)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		-71.905.723.008	(16.658.411.092)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		10.690.934.124	771.703.152
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(128.950.242)	(522.586.203)
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13			
- Tiền lãi vay đã trả	14		(350.752.556)	(689.901.481)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(388.871.277)	(1.271.742.621)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(408.000.000)	(585.876.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(50.595.176.016)	(6.429.576.981)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(3.722.790.910)	(1.902.818.182)

001
 CÔNG
 CỔ P
 M N
 THƯ
 YÊN
 BAI

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22			
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23			(453.772.868)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24			
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25			
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26			
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27			
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(3.722.190.910)	(2.356.591.050)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31			
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32			
3. Tiền thu từ đi vay	33		66.415.001.392	31.779.782.058
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		(21.147.116.579)	(31.781.172.712)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35			
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36			
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		45.267.884.813	(1.390.654)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50		(9.049.482.113)	(8.787.558.685)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		12.459.337.966	11.039.159.664
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi	61		45.595.496	39.209.054
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70		3.455.451.349	2.290.810.033

Người lập biểu

Nguyễn Thị Thùy Dương

Kế toán trưởng

Hứa Minh Hồng

Lập, ngày 20 tháng 01 năm 2019
 Giám đốc
 CÔNG TY CỔ PHẦN
 LÂM NÔNG SẢN
 THỰC PHẨM
 YÊN BÀI
 TP. YÊN BÀI - T. YÊN BÀI
 Nguyễn Quốc Trình

CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG SẢN THỰC PHẨM YÊN BÁI

Địa chỉ: Phường Nguyễn Phúc, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

03 tháng của năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2019

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý I năm 2019

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1. **Hình thức sở hữu vốn:** Công ty Cổ phần.
2. **Lĩnh vực kinh doanh:** Sản xuất, dịch vụ
3. **Hoạt động kinh doanh chính trong kỳ:**
 - Chế biến, gia công, kinh doanh lâm sản;
 - Chế biến, gia công, kinh doanh nông sản thực phẩm;
 - Kinh doanh xuất nhập khẩu hàng hóa tổng hợp;
 - Sản xuất, chế biến tinh dầu quế và các sản phẩm từ quế
4. **Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường:** Trong vòng 12 tháng
5. **Cấu trúc doanh nghiệp:**
Các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc:
Bao gồm:

Tên đơn vị	Địa chỉ
Nhà máy giấy Yên Bình	Xã Phú Thịnh, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái
Nhà máy giấy Văn Chấn	Xã Thượng Bằng La, huyện Văn Chấn, tỉnh Yên Bái
Nhà máy giấy Minh Quân	Xã Minh Quân, huyện Trấn Yên, tỉnh Yên Bái
Nhà máy gia công giấy xuất khẩu Nguyễn Phúc	Phường Nguyễn Phúc, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái
Nhà máy sản Văn Yên	Xã Đông Cường, huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái
Nhà máy chế biến tinh dầu quế Văn Chấn	Xã Sơn Lương, huyện Văn Chấn, tỉnh Yên Bái
Nhà máy gia công giấy Phú Thịnh	Xã Phú Thịnh, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái
Nhà máy giấy Yên Hợp	Xã Yên Hợp, huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái

II. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. **Kỳ kế toán năm**
Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 10 năm trước và kết thúc vào ngày 30 tháng 09 năm sau.
Theo nghị quyết Đại hội Đồng Cổ Đông năm 2018 riêng năm tài chính đầu 2019 của việc chuyển đổi được bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 năm 2019 và kết thúc vào ngày 30 tháng 09 năm 2019
2. **Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. **Chế độ kế toán áp dụng**
Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG SẢN THỰC PHẨM YÊN BÁI

Địa chỉ: Phường Nguyễn Phúc, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

03 tháng của năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2019

Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán Việt Nam

Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi.

2. Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Các khoản phải thu được hạch toán theo nguyên tắc giá gốc và các khoản dự phòng.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn trên 3 năm.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

3. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá xuất hàng tồn kho được tính theo phương pháp nhập trước xuất trước và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

4. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG SẢN THỰC PHẨM YÊN BÁI

Địa chỉ: Phường Nguyễn Phúc, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

03 tháng của năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2019

Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Đối với máy móc thiết bị của Dự án sản Văn Yên số 2 áp dụng phương pháp khấu hao theo sản lượng, công suất thiết kế của dự án là 110.000 tấn sản phẩm (100 tấn sản phẩm/ngày, sản xuất 100 ngày/năm và thực hiện trong vòng 11 năm).

Tài sản cố định vô hình của Công ty là phần mềm máy tính. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Tại thời điểm lập báo cáo này phần mềm máy vi tính đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng.

Các tài sản cố định còn lại được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định như sau:

<u>Tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	5 - 25
Máy móc và thiết bị	5 - 15
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	6 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 - 10

5. Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Là chi phí phục vụ cho nhiều kỳ sản xuất kinh doanh, được phân bổ cho kỳ sản xuất kinh doanh đến 12 tháng và trên 12 tháng.

6. Nguyên tắc kế toán nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ, được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của doanh nghiệp.

Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với người mua. Khoản phải trả này gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác (trong giao dịch nhập khẩu ủy thác).

Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

7. Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính

Phản ánh các khoản tiền vay, nợ thuê tài chính và tình hình thanh toán các khoản tiền vay, nợ thuê tài chính của doanh nghiệp.

Các khoản có thời gian trả nợ hơn 12 tháng kể từ thời điểm lập Báo cáo tài chính được trình bày là vay và nợ thuê tài chính dài hạn. Các khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng tiếp theo kể từ thời điểm lập Báo cáo tài chính, được trình bày là vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn để có kế hoạch chi trả.

8. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận là chi phí phát sinh trong kỳ.

9. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng trong kỳ.

CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG SẢN THỰC PHẨM YÊN BÁI

Địa chỉ: Phường Nguyễn Phúc, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

03 tháng của năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2019

Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

10. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản dự phòng phải trả

Dự phòng phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền chi cho hoạt động sản xuất kinh doanh trong kỳ có tính chất kế hoạch và xảy ra thường xuyên.

11. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn chủ sở hữu của Công ty bao gồm:

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.
- Thặng dư vốn cổ phần: chênh lệch do phát hành cổ phiếu cao hơn mệnh giá.

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ Công ty và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

Lợi nhuận chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được ghi nhận vào thu nhập hoặc chi phí trong kỳ. Chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ cuối kỳ được thực hiện theo hướng dẫn của Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi tại thời điểm ngày 31/03/2019 : 23.150 VND/USD

12. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Khi bán hàng hóa, thành phẩm doanh thu được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu hàng hóa đó được chuyển giao cho người mua và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Khi cung cấp dịch vụ, doanh thu được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo.

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất từng kỳ.

13. Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán phản ánh giá trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ.

14. Nguyên tắc kế toán chi phí tài chính

Phản ánh những khoản chi phí hoạt động tài chính bao gồm các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính, chi phí cho vay và đi vay vốn, chi phí góp vốn liên doanh, liên kết, lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán; Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái....

15. Nguyên tắc kế toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hoá (trừ hoạt động xây lắp), chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển...

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên

CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG SẢN THỰC PHẨM YÊN BÁI

Địa chỉ: Phường Nguyễn Phúc, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

03 tháng của năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2019

Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu vận phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng...).

16. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Đối với thu nhập chịu thuế hoạt động sản xuất, chế biến nông sản tại các Nhà máy sản xuất, chế biến các sản phẩm từ sản tại địa bàn huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái (thuộc địa bàn kinh tế- xã hội khó khăn) thuộc đối tượng được hưởng ưu đãi thuế với suất thuế TNDN 10% trong suốt thời gian hoạt động (Áp dụng kể từ 01/01/2015).

Các dự án còn lại, Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20%.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm là thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm với thuế suất áp dụng.

17. Tài sản tài chính

Phân loại tài sản tài chính

Công ty phân loại các tài sản tài chính thành các nhóm: tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Tài sản tài chính được phân loại là ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh nếu:

- Được mua hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
- Công ty có ý định nắm giữ nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn;
- Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn.

Các khoản cho vay và phải thu

CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG SẢN THỰC PHẨM YÊN BÁI

Địa chỉ: Phường Nguyễn Phúc, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

03 tháng của năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2019

Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phải sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường.

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phải sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn hoặc các khoản cho vay và phải thu.

Giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản tài chính

Các tài sản tài chính được ghi nhận tại ngày mua và dừng ghi nhận tại ngày bán. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

18. Nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu

Các công cụ tài chính được phân loại là nợ phải trả tài chính hoặc công cụ vốn chủ sở hữu tại thời điểm ghi nhận ban đầu phù hợp với bản chất và định nghĩa của nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu.

Nợ phải trả tài chính

Công ty phân loại nợ phải trả tài chính thành các nhóm: nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Nợ phải trả tài chính được phân loại là ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh nếu:

- Được phát hành hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích mua lại trong thời gian ngắn;
- Công ty có ý định nắm giữ nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn;
- Công cụ tài chính phải sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phải sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

Các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của nợ phải trả tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc, cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực tế của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ (trực tiếp hoặc thông qua việc sử dụng một tài khoản dự phòng) do giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi.

Phương pháp lãi suất thực tế là phương pháp tính toán giá trị phân bổ của một hoặc một nhóm nợ phải trả tài chính và phân bổ thu nhập lãi hoặc chi phí lãi trong kỳ có liên quan. Lãi suất thực tế là lãi suất chiết khấu các luồng tiền ước tính sẽ chi trả hoặc nhận được trong tương lai trong suốt vòng đời dự kiến của công cụ tài chính hoặc ngắn hơn, nếu cần thiết, trở về giá trị ghi sổ hiện tại tại tuần của nợ phải trả tài chính.

Giá trị ghi sổ ban đầu của nợ phải trả tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG SẢN THỰC PHẨM YÊN BÁI

Địa chỉ: Phường Nguyễn Phúc, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

03 tháng của năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2019

Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ tài chính đó.

Công cụ vốn chủ sở hữu

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

Công cụ tài chính phức hợp

Công cụ tài chính phức hợp do Công ty phát hành được phân loại thành các thành phần nợ phải trả và thành phần vốn chủ sở hữu theo nội dung thỏa thuận trong hợp đồng và định nghĩa về nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu.

Phần vốn chủ sở hữu được xác định là giá trị còn lại của công cụ tài chính sau khi trừ đi giá trị hợp lý của phần nợ phải trả. Giá trị của công cụ phát sinh (như là hợp đồng quyền chọn bán) đi kèm công cụ tài chính phức hợp không thuộc phần vốn chủ sở hữu (như là quyền chọn chuyển đổi vốn chủ sở hữu) được trình bày trong phần nợ phải trả. Tổng giá trị ghi sổ cho các phần nợ phải trả và vốn chủ sở hữu khi ghi nhận ban đầu bằng với giá trị hợp lý của công cụ tài chính.

19. Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

20. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

21. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động.

CTCP
SA

CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG SẢN THỰC PHẨM YÊN BÁI

Địa chỉ: Phường Nguyễn Phúc, Thành phố Yên Bái, Tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

của năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2019

Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)**V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán**

1. Tiền và các khoản tương đương tiền		Cuối kỳ	Đầu năm		
Tiền mặt		1.236.401.102	2.635.834.463		
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn		2.219.050.247	9.823.503.503		
Các khoản tương đương tiền		-	-		
<i>Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc dưới 03 tháng</i>					
		3.455.451.349	12.459.337.966		
2. Đầu tư tài chính ngắn hạn		Cuối kỳ		Đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	
Đầu tư ngắn hạn khác	-	-	-	-	-
Cộng	-	-	-	-	-
3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng		Cuối kỳ	Đầu năm		
Công ty TNHH Đức Việt Anh		-	-		
Chi nhánh Công ty TNHH Đông Hòa		1.177.786.170	1.308.651.300		
Công ty TNHH MTV TM và gia công Trung Tín		250.747.750	259.389.900		
Công ty TNHH Giấy Lọc phẩm - Đài Loan		2.234.669.500	2.233.704.200		
Công ty TNHH sản xuất thương mại Đạt Phương		99.593.340	428.597.690		
Công ty TNHH MTV nông sản Đông Hưng		1.007.549.951	446.663.589		
Công ty Cổ phần Trường Tiến		145.892.250	-		
Công ty TNHH TM XD XNK Hưng Hiệp		-	3.143.332.500		
Công ty TNHH Vĩnh Hùng Cát		1.576.956.397	230.243.488		
JIN CAI SHEN TECHNOLOGY CO., LTD		1.745.278.500	2.242.960.200		
Khách hàng khác		150.112.538	257.208.295		
Cộng		8.388.586.396	10.550.751.162		
4. Trả trước cho người bán		Cuối kỳ	Đầu năm		
Công ty CP thiết bị công nghiệp và XD Bình Phát		-	-		
Công ty TNHH Đức Thịnh		-	102.300.000		
Công ty cổ phần Kỹ thương Đại Việt		750.000.000	750.000.000		
Trung tâm công nghệ môi trường Việt Nhật		-	459.066.300		
Công ty khác		-	39.000.000		
Cộng		750.000.000	1.350.366.300		
5. Các khoản phải thu ngắn hạn khác		Cuối kỳ		Đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng	
Ông Phạm Quang Dương - Hồ trợ mua xe	-	-	-	-	-
Ông Trần Trọng Nghĩa - Hồ trợ mua xe	60.000.000	-	75.000.000	-	-
Bảo Hiểm xã hội phải thu CNV	-	-	-	-	-
Tiền điện thoại phải thu cá nhân	-	-	-	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG SẢN THỰC PHẨM YÊN BÁI

Địa chỉ: Phường Nguyễn Phúc, Thành phố Yên Bái, Tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

của năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2019

Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

Thuế TNCN phải thu		107.216.796
Tạm ứng	990.085.000	657.713.000
Tiền xút KM phải thu K.hàng	15.246.565	
Phải thu khác	26.121.750	58.059.316
Cộng	1.091.453.315	897.989.112

6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòiNợ phải thu, cho
vay ngắn hạnNợ phải thu, cho
vay dài hạn**Cộng**

Số đầu năm

Trích lập dự phòng bổ sung

Giảm do không thu hồi được nợ (xóa nợ)

Số cuối kỳ

7. Hàng tồn kho:

	Cuối năm		Đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu;	9.706.590.535		9.488.574.534	
Chi phí sản xuất KD dở dang;	2.209.830.695		2.015.730.786	
Thành phẩm;	129.110.787.589	(358.388.471)	57.617.180.491	(358.388.471)
Hàng gửi bán;	-		-	
Cộng	141.027.208.819	(358.388.471)	69.121.485.811	(358.388.471)

8. Chi phí trả trước ngắn hạn

	Cuối kỳ	Đầu năm
CP vật tư, vật liệu phụ tại NM giấy Yên Bình	15.754.264	-
CP bảo dưỡng MM, CP sửa chữa, CP lương ứng tại NM sẵn	-	-
CP Phụ tùng thay thế NM Minh Quân	24.217.439	-
CP Phụ tùng thay thế NMG văn chấn	10.200.000	-
CP hội nghị NM Nguyễn Phúc	-	-
CCDC tại Văn phòng + CP SC HT xeo + sẩy các NM	527.144.180	806.430.741
CP tại Phú Thịnh	34.882.000	-
Công cụ vật tư, CP sửa chữa lớn MMTB tại Yên Hợp	6.000.000	-
CP hội nghị, vật tư tại NM Quế	22.196.500	-
Cộng	640.394.383	806.430.741

9. Phải thu dài hạn khác

	Cuối kỳ		Đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Thuế của nhà thầu nước ngoài	-	-	-	-
Cộng	-	-	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG SẢN THỰC PHẨM YÊN BÁI

Địa chỉ: Phường Nguyễn Phúc, Thành phố Yên Bái, Tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

của năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2019

Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)**11. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình:**

- Là phần mềm kế toán cũ năm 2006 đã được thanh lý và thay thế phần mềm kế toán FAST 11 đưa vào sử dụng từ 01/01/2018

	Nguyên giá	Giá trị KH kỳ	Giá trị đã KH	Giá trị còn lại
Phần mềm Kế toán	171.000.000	14.250.000	57.689.516	113.310.484

12. Chi phí XDCB dở dang

	Số đầu năm	CP phát sinh trong kỳ	Kết chuyển tăng TSCĐ/Vào CP	Số cuối kỳ
Chi phí sửa chữa Yên Bình		100.986.860	-	100.986.860
Chi phí sửa chữa Minh Quân		45.817.000		45.817.000
Chi phí Sửa chữa Yên Hợp		29.321.209		29.321.209
Chi phí cải tạo, nâng cấp MMTB tại các NM		1.251.999.000	-	1.251.999.000
Cộng	-	1.428.124.069	-	1.428.124.069

13. Chi phí trả trước dài hạn

	Cuối kỳ	Đầu năm
CP ủ men Vi sinh NM sẵn	294.986.600	
Cộng	294.986.600	-

14. Phải trả người bán ngắn hạn

	Cuối kỳ	Đầu năm
Công ty cổ phần hóa chất Việt Trì	469.273.970	487.347.498
Công ty CP thiết bị áp lực Bách khoa	90.168.000	
Công ty TNHH An Hoa	668.382.000	673.794.000
Công ty cổ phần Đông Á	747.714.541	
Công ty cổ phần Quốc Tế Thanh Bình	244.090.000	
Công ty TNHH TM Phùng Hưng	240.457.250	
Công ty CP Việt Thịnh	567.588.000	509.872.000
Công ty cổ phần Thăng Huy	147.840.000	
Công ty TNHH TM Hóa chất Ngọc Diệp	990.600.919	
Trần Thị Nghiệp	169.210.300	
Trần Văn Chi	2.216.159.400	171.598.100
Vũ Thị Mua	575.282.000	
Phạm Thị Chính	-	656.187.900
Đặng Thiết Hùng	1.754.961.600	924.753.800
Triệu Thiệu Lâm	1.596.524.100	476.960.100
Nguyễn Thị Liên		636.081.200
Vũ Thị Hằng	1.079.255.600	1.309.339.700
Nguyễn Trường Giang	476.345.000	1.545.532.400
Phải trả các đối tượng khác	5.515.204.797	3.606.472.591

CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG SẢN THỰC PHẨM YÊN BÁI

Địa chỉ: Phường Nguyễn Phúc, Thành phố Yên Bái, Tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

của năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2019

Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

Cộng	17.549.057.477	10.997.939.289
-------------	-----------------------	-----------------------

15. Người mua trả tiền ngắn hạn

	Cuối kỳ	Đầu năm
Công ty HUEI TAI TRADING CO		237.214.388
HTX tiêu thụ CN DV tổng hợp Đức Thành Phát	149.520.440	377.381.125
Công ty cổ phần Thiên Phúc	166.423.516	84.809.121
Công ty TNHH Giấy xuất khẩu Thái Bình		306.187.042
Công ty TNHH MTV Quan - JIA		95.264.628
Công ty TNHH Thương mại sản xuất Mạnh Hùng	335.593.600	
Công ty CP JUNMA Yên Bái	178.886.460	
Phải trả cho các đối tượng khác	212.844.119	55.621.421
Cộng	1.043.268.135	1.156.477.725

16. Thuế và các khoản phải nộp

	Đầu năm	Số phải nộp	Số đã thực nộp	Cuối kỳ
Thuế GTGT hàng bán nội địa	-1.075.177.119	5.644.440.074	4.524.658.802	44.604.153
Thuế GTGT hàng nhập khẩu		949.330	949.330	
Thuế nhập khẩu				
Thuế TNDN	461.207.012	1.003.973.894	388.871.277	1.076.309.629
Thuế thu nhập cá nhân	1.777.778	161.333.883	162.663.911	447.750
Thuế tài nguyên	24.771.690	45.485.370	70.257.060	0
Thuế nhà đất, tiền thuê đất				
Các loại thuế khác	0	11.000.000	11.000.000	0
Cộng	(587.420.639)	6.867.182.551	5.158.400.380	1.121.361.532

17. Chi phí phải trả ngắn hạn

	Cuối kỳ	Đầu năm
Chi phí tiền điện	448.085.005	526.786.056
Chi phí NL sản		47.088.867
CP hỗ trợ thu mua và QL vùng NL sản	2.238.226.734	329.376.490
Phí bảo vệ môi trường	935.000.000	768.627.091
Trích trước Phí Kiểm toán 06T cuối năm 2018		
Chi phí lãi vay	80.624.431	17.157.378
Trích trước tiền Bảo hộ LĐ theo khoản	217.251.000	-
Chi phí khác		55.160.000
Cộng	3.919.187.170	1.744.195.882

CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG SẢN THỰC PHẨM YÊN BÁI

Địa chỉ: Phường Nguyễn Phúc, Thành phố Yên Bái, Tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

của năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2019

Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)**18. Phải trả ngắn hạn khác**

	Cuối năm	Đầu năm
Kinh phí công đoàn	244.989.110	145.751.106
Lãi thuế TNCN với tiền lãi vay phải trả	141.550	86.771
Bảo hiểm xã hội	816.478.085	
Tiền lãi vay cá nhân phải trả		
Tiền thuế TNCN trả cho CNV	342.399.995	
Tiền sáng kiến cải tiến KT		112.400.000
Phải trả khác	1.876.881.618	677.241.523
Tiền Tiết kiệm vật tư	1.790.784.053	536.298.220
Tiền Phụ cấp, tiền bốc vác	86.097.565	140.943.303
Cộng	3.280.890.358	935.479.400

19. Vay, nợ thuế TC ngắn hạn

	Đầu năm		Cuối kỳ	
	Giá trị	Khả năng trả nợ	Giá trị	Khả năng trả nợ
Vay ngắn hạn	11.947.116.579	11.947.116.579	57.215.001.392	57.215.001.392
Cộng	11.947.116.579	11.947.116.579	57.215.001.392	57.215.001.392

Chi tiết phát sinh các khoản vay trong kỳ như sau:

	Đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong kỳ	Số tiền vay đã trả trong kỳ	Cuối kỳ
Vay ngắn hạn ngân hàng	11.597.116.579	66.125.001.392	20.797.116.579	56.925.001.392
Vay ngắn hạn các cá nhân	350.000.000	290.000.000	350.000.000	290.000.000
	11.947.116.579	66.415.001.392	21.147.116.579	57.215.001.392

20. Dự phòng phải trả ngắn hạn

Là chi phí trích trước phục vụ cho việc sửa chữa lớn nhà cửa vật kiến trúc, máy móc thiết bị

21. Quỹ khen thưởng phúc lợi

	Đầu năm	Tăng do PP từ LN	Chi quỹ trong kỳ	Cuối kỳ
Quỹ khen thưởng	178.553.566		395.000.000	0
Quỹ phúc lợi	235.826.640		13.000.000	6.380.206
	414.380.206	-	408.000.000	6.380.206

Trong kỳ Chuyển nguồn từ quỹ phúc lợi sang quỹ khen thưởng là: ~ 216.446.434 đồng

CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG SẢN THỰC PHẨM YÊN BÁI

Địa chỉ: Phường Nguyễn Phúc, Thành phố Yên Bái, Tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

của năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2019

Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)**22. Phải trả người bán dài hạn**

Công ty TNHH thiết bị công nghiệp HTC Vĩnh Phúc

Cuối năm	Đầu năm
1.850.000	1.850.000

Cộng

1.850.000	1.850.000
-----------	-----------

23. Phải trả dài hạn khác

Ông Hà Xuân Quảng

Công ty TNHH DV vận tải Đỗ Cường

Doanh nghiệp tư nhân Bốn Sao

Phạm Hữu Chung - Tiền đặt cọc mua bã sản tươi

Cộng

Cuối năm	Đầu năm
5.000.000	5.000.000
20.000.000	20.000.000
-	-
-	-
25.000.000	25.000.000

TH
CỔ
PH
10/11

CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG SẢN THỰC PHẨM YÊN BÁI

Địa chỉ: Phường Nguyễn Phúc, Thành phố Yên Bái, Tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

của năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2019

Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

24 Vốn đầu tư của chủ sở hữu**Bảng đối chiếu biến động của chủ sở hữu**

Nội dung	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn CP	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	47.600.880.000	323.060.671	1.362.252.276	16.559.875.965	65.846.068.912
Lợi nhuận trong kỳ				34.639.603.043	34.639.603.043
Trích lập các quỹ trong kỳ			293.621.783	(293.621.783)	-
Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi				(12.852.237.600)	(12.852.237.600)
Trích quỹ thường Ban lãnh đạo				(9.520.176.000)	(9.520.176.000)
Chi cổ tức năm 2016				(1.174.487.132)	(1.174.487.132)
Tăng vốn DL từ LN CPP				-	-
Tăng vốn DL từ các quỹ				-	-
Số dư cuối năm trước	47.600.880.000	323.060.671	1.655.874.059	27.358.956.493	76.938.771.223
Số dư đầu năm nay	47.600.880.000	323.060.671	1.655.874.059	27.358.956.493	76.938.771.223
Lợi nhuận trong kỳ				3.665.781.679	3.665.781.679
Lợi nhuận tăng do truy thu thuế TNDN				-	-
Lợi nhuận tăng chuyển về từ các Đơn vị				-	-
Lợi nhuận giảm do chuyển về từ các Đơn vị				-	-
Trích lập các quỹ trong kỳ				-	-
Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi				-	-
Trích quỹ thường Ban lãnh đạo				-	-
Chi cổ tức năm 2017				-	-
Chi cổ tức năm 2018 lần 1				-	-
Tăng vốn DL từ LN CPP				-	-
Tăng vốn DL từ các quỹ				-	-
Bán cổ phiếu quỹ				-	-
Số dư cuối năm nay	47.600.880.000	323.060.671	1.655.874.059	31.024.738.172	80.604.552.902

CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG SẢN THỰC PHẨM YÊN BÁI

Địa chỉ: Phường Nguyễn Phúc, Thành phố Yên Bái, Tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

của năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2019

Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

b) Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu		Cuối kỳ	Đầu năm
Vốn góp của các cổ đông		47.600.880.000	47.600.880.000
Thặng dư vốn cổ phần		323.060.671	323.060.671
		47.923.940.671	47.923.940.671
c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân		Năm nay	Năm trước
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		47.600.880.000	47.600.880.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia		0	-
d) Cổ phiếu		Cuối năm	Đầu năm
- Số lượng cổ phiếu đã đăng ký phát hành		4.760.088	4.760.088
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng		4.760.088	4.760.088
+ Cổ phiếu phổ thông		4.760.088	4.760.088
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành		4.760.088	4.760.088
* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành :		10.000	10.000
đ) Cổ tức			
- Cổ tức đã công bố sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm:			
+ Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu phổ thông:.....		770	5.222
e) Các quỹ của doanh nghiệp:			
- Quỹ đầu tư phát triển;		1.655.874.059	1.655.874.059
20. Các khoản mục ngoài Bảng Cân đối kế toán		Cuối năm	Đầu năm
Vật tư hàng hoá nhận giữ hộ, nhận gia công		5.308.273.819	4.632.981.976
Nợ khó đòi đã xử lý		-	-
Ngoại tệ các loại: USD		15.115,230	407.019,290

VI. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Đơn vị tính: VND

1. Tổng doanh thu bán hàng cấp dịch vụ	Năm nay	Năm trước
hàng hóa	109.320.988.482	102.052.499.335
Trong đó: Doanh thu nội địa	88.156.487.982	11.949.970.716
DT xuất khẩu trực tiếp	21.164.500.500	90.102.528.619
- DT Sản phẩm Giấy vàng mã:	18.424.133.450	78.841.621.300
<i>Tương đương Tiền USD</i>	795.680,0	3.429.980,0
- DT Sản phẩm Giấy để XK	2.740.367.050	11.260.907.319
<i>Tương đương Tiền USD</i>	118.355,95	490.028,60
- DT Sản phẩm Tinh bột sắn:	-	-
<i>Quy ra USD</i>	-	-
Tổng cộng USD:	914.035,95	3.920.008,60
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-
Doanh thu thuần	109.320.988.482	102.052.499.335

2. Các khoản giảm trừ doanh thu

Năm nay

Năm trước



CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG SẢN THỰC PHẨM YÊN BÁI

Địa chỉ: Phường Nguyễn Phúc, Thành phố Yên Bái, Tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

của năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2019

Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

	Năm nay	Năm trước
3. Giá vốn hàng bán		
- Giá vốn của thành phẩm đã bán;	96.067.962.336 96.067.962.336	83.114.007.126 83.114.007.126
4. Doanh thu hoạt động tài		
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	2.258.844	34.211.137
- Lãi chênh lệch tỷ giá;	45.595.496 47.854.340	31.364.653 65.575.790
5. Chi phí tài chính		
- Lỗ chênh lệch tỷ giá;	2.426.225	789.051
- Lãi tiền vay;	439.985.920 442.412.145	705.185.488 705.974.539
6. Thu nhập khác		
- Thu nhập khác từ xử lý nợ		-
- Thanh lý, nhượng bán TSCĐ;		-
		-
7. Chi phí khác		
- Các khoản bị phạt	171.532.000	22.044.826
- Thuế chậm nộp, GTGT bỏ	157.039	
- Chi phí khác	171.689.039	22.044.826
8. Chi phí bán hàng và chi phí		
a) Các khoản chi phí quản lý		
Chi phí nhân viên quản lý	3.519.620.770	2.865.123.800
Chi phí vật liệu quản lý	52.010.428	58.737.043
Chi phí đồ dùng văn phòng	204.201.949	70.696.733
Chi phí khấu hao TSCĐ	291.692.556	251.284.844
Thuế, phí và lệ phí	609.485.370	156.360.740
Chi phí dự phòng	8.588.000	29.251.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	157.711.146	299.959.636
Chi phí bằng tiền khác	858.707.052	660.771.011
Cộng	5.702.017.271	4.392.184.807
b) Các khoản chi phí bán hàng		
- Các khoản chi phí bán hàng	2.315.006.458	1.895.395.266
Cộng	2.315.006.458	1.895.395.266

CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG SẢN THỰC PHẨM YÊN BÁI

Địa chỉ: Phường Nguyễn Phúc, Thành phố Yên Bái, Tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

của năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2019

Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

9. Chi phí thuế thu nhập

Chi phí thuế TNDN tính trên
TN chịu thuế năm hiện hành

Năm nay
1.003.973.894
1.003.973.894

Năm trước
1.653.785.016
1.653.785.016

Lập, ngày 20 tháng 01 năm 2019

Người lập biểu

Nguyễn Thị Thùy Dương

Kế toán trưởng

Hứa Minh Hồng



CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG SẢN THỰC PHẨM YÊN BÁI

Địa chỉ: Phường Nguyễn Phúc, Thành phố Yên Bái, Tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

của năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2019

Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty

	Tại Văn phòng Công ty (hoạt động khác)						Đơn vị tính: VND
	Giấy để	Giấy vàng mã	Tinh bột sắn	Tinh dầu quế	Giấy lễ + Ván bóc	Loại trừ nội bộ	
Năm nay							
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	31.337.240.850	18.424.133.450	56.163.106.000	3.154.550.000	241.958.182	-	109.320.988.482
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	14.104.366.278	17.241.832.503	37.585.749.010	3.222.515.313		(107.139.910.207)	-
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	66.322.687.953	35.665.965.953	93.748.855.010	6.377.065.313	241.958.182	(107.139.910.207)	109.320.988.482
Chi phí bộ phận	-	25.666.137.732	56.124.803.999	3.601.124.092			103.843.027.883
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	-	5.671.103.118	(26.828.609)	38.302.001	(446.574.092)		5.236.002.417
Các khoản giảm trừ Doanh thu	-	-	-	-	-	-	-
Doanh thu hoạt động tài chính	-	-	-	-	-	-	47.854.340
Chi phí tài chính	-	-	-	-	-	-	(442.412.145)
Thu nhập khác	-	-	-	-	-	-	(171.689.039)
Chi phí khác	-	-	-	-	-	-	(1.003.973.894)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	-	-	-	-	-	-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-	-	-	-	-	3.665.781.679

YÊN BÁI
 ỦY BAN
 YÊN BÁI
 ỦY BAN
 YÊN BÁI
 ỦY BAN

CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG SẢN THỰC PHẨM YÊN BÁI

Địa chỉ: Phường Nguyễn Phúc, Thành phố Yên Bái, Tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

của năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2019

Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

Khu vực địa lý

Hoạt động của Công ty được phân bổ chủ yếu ở khu vực trong nước (nội địa) và khu vực nước ngoài (xuất khẩu)

Chi tiết doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài theo khu vực địa lý dựa trên vị trí của khách hàng như sau:

Đơn vị tính: VND

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Khu vực nội địa	88.156.487.982	11.949.970.716
Khu vực xuất khẩu	21.164.500.500	90.102.528.619
Cộng	109.320.988.482	102.052.499.335

Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác

Đơn vị tính: VND

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	(3.722.190.910)	(1.902.818.182)
Cộng	(3.722.190.910)	(1.902.818.182)

Lập, ngày 20 tháng 01 năm 2019

Người lập biểu

Nguyễn Thị Thùy Dương

Kế toán trưởng

Hứa Minh Hồng



Giám đốc

Nguyễn Quốc Trinh